|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH LÀO CAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2025/QĐ-UBND  **DỰ THẢO** | *Lào Cai, ngày … tháng … năm 2025* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm;**

**cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ Hướng dẫn và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 tháng 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về các biện pháp lâm sinh;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 ngày 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về các biện pháp lâm sinh;*

*Căn cứ Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số: /TTr-SNNMT ngày tháng năm 2025;*

*Ủy ban nhân dân Quyết định ban hành loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm; cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Lào Cai.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quyết định này ban hành loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm; cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Đối với các loài cây không quy định tại khoản 1 điều này thì được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quyết định này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng dân cư có hoạt động liên quan đến các biện pháp lâm sinh, bao gồm:

1. Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung;

2. Nuôi dưỡng rừng, làm giàu rừng;

3. Cải tạo rừng tự nhiên;

4. Trồng rừng mới, trồng lại rừng; chăm sóc, nuôi dưỡng rừng trồng.

5. Trồng cây xanh phân tán.

**Điều 3. Loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm; cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất**

1. Loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm trên địa bàn tỉnh Lào Cai được quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

2. Cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Lào Cai được quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có sự thay đổi, bổ sung về loài cây thì tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan căn cứ loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm; cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất để triển khai thực hiện đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày … tháng … năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Trường hợp văn bản quy phạm được viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ bởi văn bản khác thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Văn phòng Chính phủ;  - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;  - Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;  - TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;  - Đoàn ĐBQH tỉnh;  - Như khoản 2 Điều 5 QĐ;  - Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh;  - CVP, PCVP2;  - Báo và PTTH tỉnh Lào Cai;  - Công báo tỉnh Lào Cai;  - Cổng Thông tin Điện từ tỉnh;  - Lưu: VT, NC1, TH3,4, NLN1,2,3. | **TM. UỶ BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Trần Huy Tuấn** |

**PHỤ LỤC I**

**DANH MỤC LOÀI CÂY SINH TRƯỞNG NHANH, CÂY SINH TRƯỞNG CHẬM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI**  
*(Kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh Lào Cai)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Loài cây** | |
| **Tên Việt Nam** | **Tên Khoa học** |
| **I** | **LOÀI CÂY SINH TRƯỞNG NHANH** | |
| 1 | Bạch đàn urô | *Eucalyptus urophylla* |
| 2 | Bạch đàn lai | *Eucalyptus hybrid* |
| 3 | Bồ đề | *Styrax tonkinensis* Piere |
| 4 | Hông | *Paulownia fortunei* |
| 5 | Keo lá tràm | *Acacia auriculiformis* |
| 6 | Keo lai | *Acacia mangium x Acacia auriculiformis* |
| 7 | Keo tai tượng | *Acacia mangium* |
| 8 | Tếch | *Tectona grandis* Lin.f. |
| 9 | Trẩu | *Vernicia motana* |
| 10 | Xoan đào | *Pygeum arboreum* |
| 11 | Xoan ta | *Melia azedarach* |
| 12 | Gáo trắng | *Neolamarckia cadamba* |
| 13 | Tre Bát độ | *Dendrocalamus latiflorus* |
| **II** | **CÂY SINH TRƯỞNG CHẬM** | |
| 1 | Cao su | *Hevea brasiliensis* |
| 2 | Dẻ Trùng Khánh | *Castanea mollissima* Blume |
| 3 | Đào | *Prunus persica* (L.) Batsch |
| 4 | Giổi ăn hạt | *Michelia tonkinensis* |
| 5 | Giổi xanh | *Michelia mediocris* Dandy |
| 6 | Hồi | *Illicium verum* Hook.f |
| 7 | Lát hoa | *Chukrasia tabularis* |
| 8 | Lim xanh | *Erythrophleum fordii* |
| 9 | Mắc ca | *Macadamia integrifolia* |
| 10 | Mít nài | *Artocarpus asperulus* |
| 11 | Mỡ | *Mangletia conifera* |
| 12 | Pơ mu | *Fokienia hodginsii* |
| 13 | Quế | *Cinamomum cassia* |
| 14 | Sa mộc | *Cunninghamia lanceolata* |
| 15 | Sấu | *Dracontomelum duperreanum* |
| 16 | Sồi phảng | *Lithocarpus fissus* Champ ex Benth |
| 17 | Sơn ta | *Rhus succedanea* L. |
| 18 | Sơn tra (táo mèo) | *Docynia indica* |
| 19 | Sưa | *Dalbergia tonkinensis* Prain |
| 20 | Thanh mai | *Myrica esculenta* |
| 21 | Thông ba lá | *Pinus kesiya* |
| 22 | Thông mã vĩ (Thông đuôi ngựa) | *Pinus massoniana* |
| 23 | Thông nhựa | *Pinus merkusii* |
| 24 | Tô hạp điện biên | *Altingia siamensis* Craib |
| 25 | Tống quá sủ | *Alnus nepalensis* |
| 26 | Trám đen | *Canarium tramdenum* Dai & Ykovl |
| 27 | Trầm hương | *Aquilaria agallocha* Roxb |
| 28 | Trám trắng | *Canarium album* Raeusch |
| 29 | Vàng tâm | *Magnolia fordiana* |
| 30 | Vối thuốc | *Schima wallichii* |
| 31 | Chè Shan | *Camellia sinensis* |

**PHỤ LỤC II**

**DANH MỤC LOÀI CÂY MỤC ĐÍCH, CÂY PHI MỤC ĐÍCH ĐỐI VỚI RỪNG PHÒNG HỘ VÀ RỪNG SẢN XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI***(Kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh Lào Cai)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loài cây** | | **Mục đích** | |
| **Tên Việt Nam** | **Tên Khoa học** | **Rừng phòng hộ** | **Rừng sản xuất** |
| **I** | **CÂY MỤC ĐÍCH** | |  |  |
| 1 | Bạch đàn lai | *Eucalyptus hybrid* |  | x |
| 2 | Bạch đàn urô | *Eucalyptus urophylla* |  | x |
| 3 | Bách xanh | *Calocedrus macrolepis* | x | x |
| 4 | Balamit | *Artocarpus chama* Buchanan- Hamilton |  | x |
| 5 | Bồ đề | *Styrax tonkinensis* |  | x |
| 6 | Bời lời | *Litsea cubeba* | x | x |
| 7 | Cáng lò | *Betula alnoides* | x | x |
| 8 | Cao su | *Hevea brasilinesis* |  | x |
| 9 | Chắp tay tra | *Exbucklandia populnea* | x | x |
| 10 | Chè Shan | *Camellia sinensis* | x | x |
| 11 | Chò chỉ | *Parashorea chinensis* | x | x |
| 12 | Chò đãi | *Annamocarya sinensis* |  | x |
| 13 | Chò nâu | *Dipterocarpus retusus* | x | x |
| 14 | Chò xanh | *Terminalia myriocarpa* | x |  |
| 15 | Cọ phèn | *Protium serratum* | x | x |
| 16 | Cứt ngựa | *Archidendron balansae* | x | x |
| 17 | Đa búp đỏ | *Ficus elastica* | x |  |
| 18 | Dạ nâu | *Chaetocarpus castanocarpus* | x |  |
| 19 | Dâu da | *Baccaurea ramiflora* | x | x |
| 20 | Dẻ đỏ | *Lithocarpus ducampii* A.Camus | x | x |
| 21 | Dẻ ăn quả (Dẻ gai yên thế) | *Castanopsis boisii* | x | x |
| 22 | Dẻ gai ấn độ | *Castanopsis indica* | x | x |
| 23 | Dẻ gai lá dày | *Castanopsis crassifolia* | x | x |
| 24 | Dẻ Trùng Khánh | *Castanea mollissima* Blume | x | x |
| 25 | Đào | *Prunus persica* (L.) Batsch |  | x |
| 26 | Đinh | *Markhamia stipulata* | x | x |
| 27 | Đinh vàng | *Fernandoa collignonii* | x | x |
| 28 | Đỏ ngọn | *Cratoxylon prunifolium* |  | x |
| 29 | Dướng | *Broussonetia papyrifera* |  | x |
| 30 | Gáo | *Anthocephalus indicus* | x | x |
| 31 | Gạo | *Bombax ceiba* |  | x |
| 32 | Gáo vàng | *Nauclea orientalis* | x | x |
| 33 | Gáo trắng | *Neolamarckia cadamba* |  | x |
| 34 | Giổi ăn hạt | *Michelian tonkinensis* | x | x |
| 35 | Giổi bà | *Michelia balansae* | x | x |
| 36 | Giổi găng | *Paramichelia baillonii* | x | x |
| 37 | Giổi xanh | *Michelia mediocris* | x | x |
| 38 | Gội nếp | *Aglaia spectabilis* | x | x |
| 39 | Gội núi | *Aglaia globosus* | x | x |
| 40 | Gù hương | *Cinnamomum balansae* | x | x |
| 41 | Gụ mật | *Sindora siamensis* | x | x |
| 42 | Hồi | *Illicium verum* |  | x |
| 43 | Hông | *Paulownia fortunei* |  | x |
| 44 | Keo lá tràm | *Acacia auriculiformis* |  | x |
| 45 | Keo lai | *Acacia hybrid* |  | x |
| 46 | Keo tai tượng | *Acacia mangium* |  | x |
| 47 | Kháo | *Machilus odoratissima* | x | x |
| 48 | Kim giao | *Podocarpus fleuryi* | x | x |
| 49 | Lá nến | *Macaranga sampsonii* |  | x |
| 50 | Lát hoa | *Chukrasia tabularis* | x | x |
| 51 | Lát khét | *Toona sureni* | x | x |
| 52 | Lim xanh | *Erythrophloeum fordii* | x | x |
| 53 | Lim xẹt | *Peltophorum dasyrrhachis var. tonkinense* | x | x |
| 54 | Long não | *Cinnamomum camphora* | x | x |
| 55 | Mắc ca | *Macadamia integrifolia* | x | x |
| 56 | Mán đỉa | *Archidendron clypearia* |  | x |
| 57 | Măng sặt | *Arundinaria sp1* | x | x |
| 58 | Màng tang | *Litsea cubeba* |  | x |
| 59 | Me | *Tamarindus indica* | x |  |
| 60 | Me rừng | *Phyllanthus emblica* | x |  |
| 61 | Mít nài | *Artocarpus asperulus* | x | x |
| 62 | Mỡ | *Mangletia conifera* | x | x |
| 63 | Móng bò sọc | *Banhinia variegata* |  | x |
| 64 | Móng bò tím | *Bauhinia purpurea* |  | x |
| 65 | Mun | *Diospyros mun* | x | x |
| 66 | Muồng ràng ràng | *Adenanthera microsperma* |  | x |
| 67 | Muồng xanh | *Albizia procera* |  | x |
| 68 | Ngát | *Gironniera subaequalis* | x | x |
| 69 | Nghiến | *Burretiodendron hsienmu* | x | x |
| 70 | Ngọc lan | *Michelia alba* | x | x |
| 71 | Nhội | *Bischofia trifoliata* | x | x |
| 72 | Óc chó | *Uglans regia* | x | x |
| 73 | Phay sừng | *Duabaga sonneratioides* | x | x |
| 74 | Pơ mu | *Fokienia hodginsii* | x | x |
| 75 | Quế | *Cinamomum cassia* | x | x |
| 76 | Ràng ràng mít | *Ormosia balansae* | x | x |
| 77 | Re gừng | *Cinnamomum bejolghota* | x | x |
| 78 | Re hương | *Cinnamomum parthenoxylon* | x | x |
| 79 | Sa mộc (Sa mu) | *Cunninghamia lanceolata* | x | x |
| 80 | Sâng | *Amesiodendron chinensis* | x | x |
| 81 | Sang máu | *Horsfieldia amygdalina* |  | x |
| 82 | Sảng nhung | *Sterculia lanceolata* | x | x |
| 83 | Sanh | *Ficus benjamina* | x |  |
| 84 | Sao đen | *Hopea odorata* | x | x |
| 85 | Sấu | *Dracontomelum duperreanum* | x | x |
| 86 | Sau sau | *Liquidambar formosana* | x |  |
| 87 | Sến mật | *Madhuca pasquieri* | x | x |
| 88 | Si | *Ficus retusa var. nitida* | x |  |
| 89 | Sồi phảng | *Castanopsis cerebrina* | x | x |
| 90 | Sồi phảng | *Lithocarpus fissus* Champ ex benth | x | x |
| 91 | Sòi tía | *Sapium discolor* | x |  |
| 92 | Sồi xanh | *Lithocarpus pseudosundaicus* | x | x |
| 93 | Sơn ta | *Rhus succedanea* L. | x | x |
| 94 | Sơn tra | *Docynia indica* | x | x |
| 95 | Sơn vé | *Garcinia merguensis* Wight |  | x |
| 96 | Sưa | *Dalbergia tonkinensis* | x | x |
| 97 | Sữa | *Alstonia scholaris* | x | x |
| 98 | Táu muối | *Vatica odorata* | x | x |
| 99 | Tếch | *Tectona grandis* |  | x |
| 100 | Thanh mai | *Myrica esculenta* | x | x |
| 101 | Thông ba lá | *Pinus kesiya* | x | x |
| 102 | Thông mã vĩ | *Pinus massoniana* | x | x |
| 103 | Thông nhựa | *Pinus merkusii* | x | x |
| 104 | Thừng mực lông | *Wrightia pubescens* | x | x |
| 105 | Tô hạp điện biên | *Altingia siamensis* Craib | x | x |
| 106 | Tông dù | *Toona sinensis* |  | x |
| 107 | Tống quá sủ | *Alnus nepalensis* | x | x |
| 108 | Trai lý | *Garcinia fagraeoides* | x | x |
| 109 | Trám chim | *Canarium tonkinense* | x | x |
| 110 | Trám đen | *Canarium tramdenum* | x | x |
| 111 | Trám hồng | *Canarium bengalense* Roxb | x | x |
| 112 | Trám trắng | *Canarium album* | x | x |
| 113 | Trẩu | *Vernicia motana* | x | x |
| 114 | Tre mai | *Dendrocalamus giganteus* |  | x |
| 115 | Tre Bát độ | *Dendrocalamus latiflorus* |  | x |
| 116 | Vàng anh | *Sacara dives* | x |  |
| 117 | Vàng tâm | *Manglietia dandyi* | x | x |
| 118 | Vạng trứng | *Endospermum chinense* | x | x |
| 119 | Vối thuốc | *Schima wallichii* | x | x |
| 120 | Xà cừ | *Khaya senegalensis* |  | x |
| 121 | Xoan đào | *Pygeum arboreum* |  | x |
| 122 | Xoan ta | *Melia azedarach* |  | x |
| **II** | **CÂY PHI MỤC ĐÍCH** | |  |  |
| 1 | Ba bét lông | *Mallotus barbatus* |  |  |
| 2 | Ba soi | *Macaranga denticulata* |  |  |
| 3 | Bọ nẹt | *Alchornea rugosa* |  |  |
| 4 | Bứa | *Garcinia obolongiflia* |  |  |
| 5 | Cơi | *Pterocarya tonkinensis* |  |  |
| 6 | Dọc | *Garcinia multiflora* |  |  |
| 7 | Duối | *Streblus asper* |  |  |
| 8 | Đu đủ rừng | *Trevesia cavaleriei* |  |  |
| 9 | Hu đay | *Trema orientalis* |  |  |
| 10 | Muối | *Rhus chinensis* |  |  |
| 11 | Ngái | *Ficus hispida* |  |  |
| 12 | Sổ xoan | *Dillenia ovata* |  |  |
| 13 | Sung | *Ficus racemosa* |  |  |
| 14 | Thàn mát | *Millettia ichthyotona* |  |  |
| 15 | Thành ngạnh | *Cratoxylon palyanthm* |  |  |
| 16 | Vả | *Ficus auriculata* |  |  |